

Số: 436 /NMĐTB2-KTATMT
V/v cung cấp báo giá vật tư phục vụ BDSC thường
xuyên đợt 1/2025 - Nhà máy Nhiệt điện Thái
Bình 2.

Thái Bình, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Các Nhà cung cấp.

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai mua sắm vật tư phục vụ BDSC thường xuyên đợt 1/2025. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp vật tư/thiết bị cho các Nhà máy nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa như đính kèm;
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng.
- Tiến độ cung cấp: Do Nhà cung cấp đề xuất.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: trước 9h ngày 14/03/2025.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Ông Lê Hải Long, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0933003737; Email: longlh@pvpgb.vn; hungbb@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

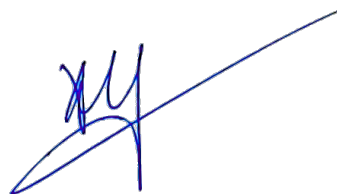
Nơi nhận: 

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: KHTC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (L.H.L: 1 b).

Đính kèm:

- Danh mục hàng hóa.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



PHẠM VI CÔNG VIỆC
MUA SẮM VẬT TƯ PHỤC VỤ BDSC TX ĐỢT 01/2025 - NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2

(Đính kèm văn bản số 436 /NMDTB2-KTATMT, ngày 05 tháng 03 năm 2025)

Stt	Tên vật tư và quy cách	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Tồn kho	Nhu cầu mua sắm	Ghi chú
1	Solenoid điều khiển vòi dầu Model: SCG551A017MS, 230VAC	Asco	Cái	20	0	20	Vòi đốt
2	Solenoid điều khiển cần đánh lửa Model: SCG551A018MS, 230VAC	Asco	Cái	20	0	20	Vòi đốt
3	Thiết bị đo áp suất đầu thoát bơm tuần hoàn B FGD U2, 1. Direct mounted diaphragm seal system:EJAC50E-G50BWSNNA-NN, 2. Base transmitter:EJA530E-JBSPN-017DN/HE, 3. DFS:C20FW-HA-SN2NS-2F1SS6NNB-2A1SB-00N, Calibration range : 0 - 10 bar, Yokogawa	Yokogawa/G7	Cái	2	0	2	FGD
4	Thiết bị đo áp suất thấp hấp thụ 14/24HTT20CP001, HTL20CP001, 1. Direct mounted diaphragm seal system:EJAC50E-G50BWSNNA-NN, 2. Base transmitter:EJA530E-JBSPN-017DN/HE, 3. DFS:C20FW-HA-SN2NS-2F1SS6NNB-2A1SB-00N, Calibration range : 0 - 10 bar, Yokogawa	Yokogawa/G7	Cái	3	0	3	FGD 14/24HTT20CP001, 24HTL20CP001
5	Đo mức Bồn nước khẩn, DM diaphragm seal system : EJAC50E-G50BWHNNA-NN Base transmitter : EJA530E-JBSPN-017DN/HE DFS : C20FW-HA-SN2NS-2F1HS6NNB-2A1SB-00N Calibration range : 0 - 2.5 bar, Yokogawa	Yokogawa/G7	Cái	1	0	1	FGD
6	Proximity: ST80-70DNA/SODRON	SODRON	Cái	1	0	1	Hệ thống chạy tự động của overhead tripper car
7	HMI Module 1. Logix module 2711P-RP8D, ser: B, 2.Touch module: 2711P-RDT10C, Ser: B, P/N: 30632374	Allen bradley/EU	Set	1	0	1	Màn HMI của tủ PLC TCS-DF Unit 1 hư hỏng
8	Solenoid van 2way Single solenoid / WPT8327B002MO, 220VDC	Asco	Cái	2	0	2	Các tủ Local panel
9	Solenoid van Model: sv120-4gz-02, 230VAC-5way	SMC/Japan	Cái	15	0	15	Xử lý nước
10	Actuator Type: IQ3 Pro Loại: Isolating Torque: 125 Nm Speed: 20 secs Enclosure: IP68 Supply: 400-3-50 Base: F10 Coupling: 1 Bôi trơn bằng dầu. Options: CPT + Folomatic Kết nối cài đặt thông qua Bluetooth Setting Tool Control box: LGT-JBIQ-24-002 Tương thích lắp đặt với hệ thống hiện hữu của nhà máy; Kỹ sư có chứng chỉ đào tạo của Nhà sản xuất thực hiện lắp đặt và hiệu chỉnh (2024 CU048). NSX-Rotork	Rotork/UK	Cái	2	0	2	12HLA50AA008-E1 BURNER STAGED AIR DAMPER 12HLA50AA010-F2 BURNER STAGED AIR DAMPER
11	Đầu đo Model: N0: V510-10-H-PS-F660C-PSW, seri V21690-05.1, Pipe ID 910mm, tag no S1400203	Armstrong/ USA	Cái	1	0	1	Gió PA Mill B tổ 2
12	Model: VELOMITOR 330500 100mV/in/s (4mV/mm/s)	Bently Nevada/EU	Cái	2	0	2	14HTG13CY001 14HTG13CY002
13	Model: 177230 Measure rang 0-20mm/s, signal output 4-20mA	Bently Nevada/EU	Cái	2	0	2	24HTB40CY001 24HTB40CY002
14	Solenoid valve: G553A018MS Công tác áp suất bọt hóa hơi Clo	Asco	Cái	1	0	1	12HFC40AA401
15	Loại: P711+P941. Vật liệu: vỏ nhôm sơn xám, chân inox 316SS. Vật liệu bích trên: 316SS, màng: Tantalum, bích dưới: Tantalum. Dây áp có thể cài đặt: 0~70Bar. Điểm áp cài đặt: 17.2Bar. Repeatability: + 1% Deadband: 5 ~ 6% of full scale Nhiệt độ hoạt động max: 100°C Contact rating: - AC 125 V / 250 V, 15 A DC 125 V, 0.05 A for inductive load - AC 125 V / 250 V, 15 A DC 125 V, 0.5 A for resistance load Công tắc: One SPDT Kết nối: 1/2NPT Conduit connection: 1/2"PF(F) *Kèm option gauge protector: Loại: A070. Vật liệu: Tantalum. Kết nối: tương ứng với chuẩn của Hãng WISE (cho kết nối giữa bích và công tắc). Đặc tính: 0.3-4MPa	Wise/Korea	Cái	2	0	2	Hệ thống Clo (Intake)
16	WLCA12-2N-N, omron	Omron/G7	Cái	20	12	8	
17	Đèn báo 230VAC, 22mm, RED	Idec	Cái	15	0	15	Các tủ Local panel
18	Đèn báo 230VAC, 22mm, GREEN	Idec	Cái	20	0	20	Các tủ Local panel
19	Đèn báo 24VDC, 22mm, RED	Idec	Cái	20	0	20	Các tủ Local panel
20	Đèn báo 24VDC, 22mm, GREEN	Idec	Cái	20	0	20	Các tủ Local panel
21	Đèn báo 24VDC, 22mm, Yellow	Idec	Cái	10	0	10	Các tủ Local panel
22	Nút ấn 2 tiếp điểm NO/NC, GREEN, 22mm	Idec	Cái	26	0	26	Các tủ Local panel



Stt	Tên vật tư và quy cách	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Tồn kho	Nhu cầu mua sắm	Ghi chú
23	Thông số kỹ thuật: Magnetic Float Level Sensor Model: Standard 120 degree C Certification: ATEX-Ex d Type: Standard Housing: D type Connection: Thread JIS 1" PT male Probe diameter: OD8mm Material: SS304 Float: 28x28x9.5, E>0.7, 10 kg/cm2, SS316 Contact type: SPDT Probe length: 400mm	Finetek	Cái	5	0	5	22HLB50CL102 12HLB60CL102 14HNC20CL102 22HLB20CL102 12HLB50CL102
24	Cảm biến áp suất (có chức năng cài đặt giá trị bảo vệ áp suất thấp) Model: SCPSD-060-14-15 Range: 0-60 bar Power supply: 15-30VDC Output: 4-20mA Output NO (cài đặt giá trị bảo vệ) Manufacture: Packer	Packer/USA	Cái	1	0	1	24HNC10CP104
25	Actuator dòng SIPOS7 thay thế cho dòng actuator có thông số như sau: SIPOS 5 2SA5021-5CE00-4BA3-Z B58+C50 No:N.6800918200113 05/14 Tripping torque:18...60Nm IP67 Output speed: 5/7/10/14/20/28/40 1/min 3AC380-460V , 3,5A, 40-70Hz, Mot. 750W Operating mode: S2-15min EN60034	Auma/Đức	Cái	1	0	1	Hãng SIPOS đã dừng sản xuất dòng actuator SIPOS 5 Thay thế cho van 22HHS40AA201
26	Actuator dòng SIPOS7 thay thế cho dòng actuator có thông số như sau: SIPOS 5 Model: 2SA5031-0CE11-4BB3-Z B58+C50 No: N.6800908800105 04/14 Tripping torque: 37 ... 125Nm IP67 Output speed: 5/7/10/14/20/28/40 1/min POWER: 3AC380-460V, 3,5A, 40-70Hz, Mot. 750W Operating mode: S2-15min EN60034 CONDENSATE POT: Class #2500.	Auma/Đức	Cái	1	0	1	Hãng SIPOS đã dừng sản xuất dòng actuator SIPOS 5 Thay thế cho van 22LGB73AA203
27	- Diameter 168mm, length 420mm, Wall thickness Sch 80, Volume as 7Liters, Body Material ASTM A312 TP 316/316L, Cap Material A430M WPS-316. - Manufacture Pressure test: hydraulic test 3250psi (224 Bar), Pneumatic pressure test 100psi (7bar). - Inlet connection 28mm Tube Socket Weld (TSW) ASTM A479 Type 316 (NACE). - Outlet port 12mm TSW material ASTM A479 Type 316 (NACE). - Vent line supply with (01) Welded Needle valve 1/2" TSW, Material Body valve ASTM A479 Type 316/316L (NACE), Valves Tip Material ASTM A564 UNS 17400(17-4PH) (NACE). WP: 6000 psi @ 100 F, WP: 3030 psi @ 1,000° F, SS316. P-71-PSR168-80-3B-10-TSW-SS- Panam-India	Panam-India	Cái	4	0	4	Thay thế các condensate pot đo mực bao hơi tổ 2
28	Actuator Rotork IQ3 Pro hoặc tương đương Torque: ≥ 34 Nm; Speed: ≥ 48 rpm; Enclosure: IP68; Supply: 400-3-50; Lubrication: SAE80EP; Options: CPT + Folomatic; RQ. No: CSG053414-00-2-11 Control box: LGT-JBIQ-25-001 Flange, coupling tương thích với body van đang sử dụng, tiện ren theo trực ty van; Khoang hộp số sử dụng dầu để bôi trơn, có pin 9VDC nuôi nguồn riêng; Kết nối cài đặt thông qua Bluetooth Setting Tool; Tương thích lắp đặt với hệ thống hiện hữu của nhà máy; Kỹ sư có chứng chỉ đào tạo của Nhà sản xuất thực hiện lắp đặt và hiệu chỉnh (2024 CU048).	Rotork/UK	Cái	1	0	1	12HCB25AA201
29	Dụng cụ đo nhiệt T190-150Y 150°C L123 Loại T190. Vật liệu: vỏ inox 316SS, que dò inox 316SS Đường kính mặt: 150mm. Chân ren 1/2"MT+NPT. Chân đứng xoay góc 90 độ Dây đo nhiệt: 0~150°C phi que 8.0 mm Độ chính xác: + 2% Chiều dài que dò 123mm Không có dầu glycerin bên trong Tiêu chuẩn: CE, Ex, EN1319	Wise/Korea	Cái	1	0	1	21LAC10CT507
30	Board nguồn + board điều khiển sử dụng cho loại van: Model: DiM 1000,ser 1057306	DREHMO/Đức	bộ	1	0	1	21LCA10AA251
31	Board nguồn + board điều khiển sử dụng cho loại van: Actuator- type: DIM 120 B3-10 Torque-range: 40-120 Nm Speed: 120 IP 67 Serial Number: 1060815/1060816	DREHMO/Đức	bộ	1	0	1	11PAB77AA201
32	Board nguồn + board điều khiển sử dụng cho loại van: Model: DMC 59 Rated power: 0.25 KW Power Supply: 400 VAC/50Hz/3 phase	DREHMO/Đức	bộ	1	0	1	12LAE13AA201

